TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2023/DS-PT
Ngày: 09-3-2023
V/v " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

***Các Thẩm phán*:** Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLPT-DS ngày 25/11/2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2022/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1966; địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

***Bị đơn*:** Ông Đinh Hữu Th; sinh năm: 1973; địa chỉ: Thôn 8, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Bà Trương Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

2. Bà Hoàng Thị Tr, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 8, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Đinh Hữu Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và đại diện theo ủy quyền của Ông N là ông Nguyễn Thành Th trình bày:

Ngày 11/6/2021 giữa ông N và ông Đinh Hữu Th có lập hợp đồng mua bán trái sầu riêng, cụ thể: Ông N bán cho ông Th trái sầu riêng tại vườn nhà ông N với giá là 55.000 đồng/01 kg, đối với hàng xô, hàng dạt, sâu nấm thì giá là 15.000 đồng/01kg, ông Th đặt cọc trước cho ông N với số tiền là 300.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng mua bán. Đến cuối vụ mùa sầu riêng ông N tính tiền thì phía ông Th còn nợ lại các khoản tiền gồm: Tiền sầu riêng 428.820.000 đồng, tiền sầu riêng của ngày 05/7/2021 tính sót lại là 24.000.000 đồng và 461kg sầu riêng kem chưa tính tiền x 55.500đ/kg = 25.585.500 đồng, tiền dầu 500.000 đồng, xịt thuốc 700.000 đồng; tổng cộng là 479.605.500 đồng thống nhất trừ số tiền ông Th đã đặt cọc trước đó là 300.000.000 đồng, ông Th còn nợ lại là 179.605.500 đồng. Vườn sầu riêng là tài sản chung của ông N và bà Trương Thị H vợ ông N nên ông N yêu cầu vợ chồng ông Th, bà Tr liên đới trả cho vợ chồng ông N số tiền 179.605.500 đồng; ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Đinh Hữu Th trình bày:

Ông Th thừa nhận ngày 11/6/2021 giữa ông N và ông Th có lập hợp đồng mua bán trái sầu riêng, cụ thể: Ông N bán cho ông Th trái sầu riêng tại vườn nhà ông N với giá là 55.000 đồng/01 kg, đối với hàng xô, hàng dạt, sâu nấm thì giá là 15.000 đồng/01kg, ông Th đặt cọc trước cho ông N với số tiền là 300.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng mua bán. Hiện nay ông N cho rằng ông Th còn nợ lại tổng số tiền là 179.605.500 đồng ông Th không đồng ý mà cho rằng đã trả khoản tiền 24.000.000 đồng, đối với 461kg sầu riêng kem hai bên đã thỏa thuận với giá là 7.000đ/01kg thành tiền là 3.227.000 đồng, thừa nhận còn nợ ông N 500.000 đồng tiền dầu, 700.000 đồng tiền xịt thuốc; ông Th tự tính theo sổ ghi chép của ông Th thì ông Th chỉ còn nợ lại ông N tổng số tiền là 126.000.000 đồng; nay vợ chồng ông Th chỉ đồng ý trả cho ông N 126.000.000 đồng; giấy ghi ngày 21/8/2021 là do ông Th ghi nhưng chỉ là tạm tính theo sổ ông N. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm, ông Th không phản tố nội dung gì; không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Thị H trình bày: Ngày 11/6/2021 giữa ông N và ông Đinh Hữu Th có lập hợp đồng mua bán trái sầu riêng cụ thể ông Nguyễn Văn N bán cho ông Đinh Hữu Th trái sầu riêng tại vườn của vợ chồng ông N, bà Hoa; cuối vụ ông Th còn nợ lại tiền sầu riêng nhiều lần ông N đòi nhưng ông Th không trả.

Nay bà Hoa yêu cầu ông Th phải có nghĩa vụ trả tiền còn nợ do mua sầu riêng; bà Hoa không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Bà Hoàng Thị Tr trình bày: Bà Tr là vợ của ông Th, ông Th có mua sầu riêng của ông N, tuy nhiên bà Tr không biết cụ thể việc mua bán giữa ông N và ông Th, nay ông Th còn nợ tiền sầu riêng của ông N thì bà Tr đồng ý trả với số tiền như ông Th chồng bà trình bày; ngoài ra bà Tr không có ý kiến, yêu cầu gì; không Nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N; buộc ông Đinh Hữu Th, bà Hoàng Thị Tr liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Trương Thị H số tiền mua trái sầu riêng còn nợ lại là 157.247.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/6/2022 bị đơn ông Đinh Hữu Th có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử về số tiền 25.000.000 đồng ông Th đã thanh toán cho ông N vào ngày 15/05/2021 tới ngày chốt sổ còn nợ lại Ông N 76.000.000 đồng cùng với 461kg.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

- Kháng cáo của bị đơn thực hiện trong thời hạn luật định; Đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn là người kháng cáo nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, HĐXX xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận ngày 11/6/2021 giữa ông N và ông Đinh Hữu Th có lập hợp đồng mua bán trái sầu riêng cụ thể: Ông Nguyễn Văn N bán cho ông Đinh Hữu Th trái sầu riêng tại vườn nhà ông N với giá là 55.000đồng/01 kg, đối với hàng xô, hàng dạt, sâu nấm thì giá là 15.000đ/01kg, ông Th đặt cọc trước cho ông N với số tiền là 300.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng mua bán (bút lục 05). Đây là sự thật không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, thấy rằng: Căn cứ vào giấy viết tay ngày 21/8/2021 (bút lục 92) do ông Th viết và ký xác nhận và biên bản đối chất ngày 03/11/2021 (bút lục 42) thể hiện ngày 21/8/2021 ông Th còn nợ ông N số tiền mua sầu riêng là 428.820.000 đồng, 24.000.000 đồng tiền mua sầu riêng ngày 05/7 chưa trả, 461 kg sầu riêng kem chưa trả tiền, 30 lít dầu trị giá 500.000 đồng, tiền xịt thuốc 700.000 đồng;

Bị đơn ông Th cho rằng đã trả số tiền 24.000.000 đồng và 461kg sầu riêng kem, để chứng minh cho lời trình bày của mình thì ông Th cung cấp sổ ghi chép mua bán sầu riêng giữa ông Th và ông N. Tuy nhiên tài liệu ông Th cung cấp không thể hiện có việc xác nhận của ông N, đồng thời nguyên đơn ông N cũng không thừa nhận lời trình bày của ông Th nên lời trình bày của ông Th không có căn cứ chấp nhận.

Việc ông Th cho rằng ông ghi giấy ngày 21/8/2021 chỉ là tạm tính theo sổ ông N, tuy nhiên nội dung giấy ông Th có ghi: *"Hẹn thứ 2 tuần tới ngày 23/8 cháu mang sổ thanh toán với ông N số nợ trên, tổng số nợ trên chưa có tính tiền cọc 300.000.000đ"*. Như vậy, đã có việc thừa nhận tổng số tiền nợ của ông Th đối với Ông N.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Th chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền 126.000.000 đồng và không chấp nhận số nợ 24.000.000 đồng và 461kg sầu riêng. Ngoài ra, tại đơn kháng cáo ông Th yêu cầu tính lại đối với số tiền 25.000.000 đồng đã thanh toán cho ông N vào ngày 15/05/2021 tới ngày chốt sổ còn nợ lại ông N 76.000.000 đồng cùng với 461kg sầu riêng. Tuy nhiên, ông Th lại không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó kháng cáo của ông Th không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng theo

quy định của pháp luật. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đinh Hữu Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N;

Buộc ông Đinh Hữu Th, bà Hoàng Thị Tr liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Trương Thị H số tiền mua trái sầu riêng còn nợ lại là 157.247.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đinh Hữu Th, bà Hoàng Thị Tr liên đới phải nộp số tiền 7.862.350 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm năm mươi đồng);

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Trương Thị H phải nộp số tiền 1.117.925 đồng (Một triệu một trăm mười bảy nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp là 4.490.138 đồng. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí là 3.372.213 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000061, ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đinh Hữu Th phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0000484 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Ninh